TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH HẬU GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-PT.
Ngày: 09 - 8 - 2018.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Thẩm phán: Ông Dương Quốc Tuấn.

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017, về "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 52/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị T, sinh năm 1981. (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số Q, tổ W, ấp R, xã T, huyện Y, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị H.
- Bà Lê Thị Đ.

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Lê Thị Nh.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Huỳnh Long V.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ1, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Trần Thị C.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện Z, tỉnh An Giang.

- Ông La Văn T.

Địa chỉ: Tổ W, ấp R, xã T, huyện Y, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Anh Lê Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị La Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn N chung sống với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn tình cảm, anh N không có trách nhiệm với gia đình hay ghen tuôn vô cớ mặc dù chị có giải thích nhưng anh không nghe, mỗi lần cãi nhau anh N đánh chị, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 16/11/2015, hiện tại anh N đang nuôi con. Chị đồng ý cho anh N được tiếp tục nuôi con đến khi trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ bà Phạm Thị H tiền hụi và tiền nợ với tổng số tiền 4.570.000 đồng, nếu bà H có yêu cầu thì chị đồng ý trả ½ số nợ trên. Ngoài ra, vợ chồng không có nợ chung nào hết.

Bị đơn anh Lê Văn N trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất việc quản lý tiền trong gia đình, anh thừa nhận khi vợ chồng cự cãi anh có đánh chị T. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung có 01 con chung tên Lê Quốc K, sinh ngày 16/11/2015, hiện đang sống chung với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ông Huỳnh Long V tổng cộng 92.000.000 đồng; nợ bà Trần Thị C 37.500.000 đồng; nợ bà Lê Thị Nh 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24k; nợ bà Lê Thị Đ tiền hụi 14.000.000 đồng; nợ bà Phạm Thị H tiền hụi và tiền nợ với tổng số tiền 4.200.000 đồng; nợ gia đình vợ đại diện ông La Văn T 10.000.000 đồng; nợ bác sui ở tỉnh Bạc Liêu 4.000.000 đồng. Số nợ nêu trên anh yêu cầu chia đôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày: Vào năm 2015, anh N và chị T có nợ tiền hụi, tiền tạp hóa và tiền vay tổng cộng là 4.570.000 đồng. Trong vụ án này, bà không có yêu cầu anh N và chị T trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Đ trình bày: Năm 2015, anh N có tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi, hụi chưa mãn nhưng anh N đã vi phạm thời gian đóng hụi chết, tính đến khi hụi mãn anh N nợ bà 14.000.000 đồng nhưng trong vụ án này bà không yêu cầu anh N trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Long V trình bày: Từ năm 2014 đến nay ông V có đưa cho anh N nhiều lần tiền để hùn vốn làm ăn và tiền cho anh N vay tổng cộng 92.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu anh N trả lại cho ông 92.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị C trình bày: Năm 2016, bà có chuyển tiền 02 lần là 37.500.000 đồng cho anh N để mua lúa nhưng anh N không mua lúa và cũng không trả tiền cho bà, số tiền này chị T biết. Nay bà yêu cầu anh N và chị T trả cho bà 37.500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Nh trình bày: Năm 2016, bà có cho anh N và chị T vay tiền nhiều lần tổng cộng 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24k loại 98%. Nay bà yêu cầu anh N và chị T trả cho bà 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24k loại 98%.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông La Văn T trình bày: Ông có cho anh N và chị T vay tiền nhưng ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 52/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị La Thị T và anh Lê Văn N.

Về con chung: Anh Lê Văn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quốc K, sinh ngày 16/11/2015 đến lúc trưởng thành (tròn 18 tuổi), chị La Thị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị La Thị T không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ: Buộc anh Lê Văn N trả cho ông Huỳnh Long V 92.000.000 đồng; bà Lê Thị Nh 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24k (loại 98%); bà Trần Thị C 37.500.000 đồng.

Đối với số nợ bà Phạm Thị H, bà Lê Thị Đ và ông La Văn T khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết sau (do trong vụ án này đương sự không yêu cầu).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 26/9/2017, anh Lê Văn N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Nội dung: Yêu cầu chia đôi số nợ của bà Lê Thị Nh, bà Trần Thị C và ông Huỳnh Long V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Lê Văn N có đơn kháng cáo. Tại phiên tòa, anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị La Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T.

[3] Xét nội dung kháng cáo của anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung: Do đương sự không có kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.2] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh N chỉ thống nhất 02 khoản nợ chung là nợ bà Phạm Thị H số tiền 4.570.000 đồng, nợ ông La Văn T 10.000.000 đồng, nhưng bà H và ông T không yêu cầu trong vụ án này. Vì vậy, tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng qui định.

[3.3] Anh N cho rằng, trong quá trình chung sống vợ chồng anh có nợ của bà Lê Thị Đ tiền hụi 14.000.000 đồng, nợ ông Huỳnh Long V 92.000.000 đồng, nợ bà Trần Thị C 37.500.000 đồng, nợ bà Lê Thị Nh 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24k và yêu cầu chia đôi số nợ.

Đối với khoản nợ tiền hụi 14.000.000 đồng của bà Đ, do bà Đ không yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết.

Các khoản nợ còn lại như: Nợ của bà Trần Thị C 37.500.000 đồng, nợ của bà Lê Thị Nh 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24k, nợ của ông Huỳnh Long V 92.000.000 đồng. Anh N cho rằng đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nhưng không được chị T thừa nhận, phía anh Ncũng không có chứng cứ chứng minh đây là nợ chung dùng để chi tiêu phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, cấp sơ thẩm buộc anh N có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Long V 92.000.000 đồng, bà Lê Thị Nh 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24k (loại 98%), bà Trần Thị C 37.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Lê Văn N không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng của anh là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tại phiên tòa phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 296, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Văn N.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 52/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị La Thị T và anh Lê Văn N.

Về con chung: Anh Lê Văn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quốc K, sinh ngày 16/11/2015 đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi), chị La Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị La Thị T không ai được quyền cản trở.

Về nợ: Buộc anh Lê Văn N trả cho ông Huỳnh Long V 92.000.000 đồng, trả cho bà Lê Thị Nh 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24k (loại 98%), trả cho bà Trần Thị C 37.500.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị La Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0009547 ngày 27 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm (đối với phần trách nhiệm trả nợ): Anh Lê Văn N phải chịu 7.745.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho: Ông Huỳnh Long V 2.300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0009607 ngày 18/5/2017; bà Trần Thị C 937.500 đồng, theo biên lai thu tiền số 0009614 ngày 22/5/2017; bà Lê Thị Nh 667.000 đồng, theo

biên lai thu tiền số 0009613 ngày 22/5/2017. Các biên lai trên đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Lê Văn N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai số 0013856 ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 09/8/2018.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đình Nghệ